

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2024/HS-PT

Ngày: 11/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường

Bà Vũ Thị Thanh Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 84/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Lê Đỗ H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2024/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Đỗ H, sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện tại: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc M và bà Đỗ Thị T; có vợ: Trần Thị Anh N và 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án có bị hại nhưng không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/9/2022, Lê Đỗ H, sinh năm 1991, trú tại thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận ký Hợp đồng lao động số 01.09-22/HĐLĐ/HT với Công ty TNHH P2, chuyên phân phối các sản phẩm nhớt Castrol, có địa chỉ tại thôn T, xã H, huyện H do ông Vũ Trường G, sinh năm 1992, trú tại khu phố A, phường X, TP . làm giám đốc. Căn cứ vào hợp đồng lao động trên, Lê Đỗ H được phân

công nhiệm vụ là nhân viên bán hàng và thu hồi tiền nợ từ khách hàng tại khu vực huyện Đ và T, tỉnh Bình Thuận. Từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2022, H bán các sản phẩm nhớt Castrol cho khách hàng trên địa bàn huyện Đ và Tánh L, thu tiền nợ từ các khách hàng, sau đó chuyển tiền về cho Công ty TNHH P2. Lợi dụng nhiệm vụ được giao, sau khi thu hồi tiền nợ cho Công ty TNHH P2, Lê Đỗ H đã không giao hoặc chuyển tiền về cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân và báo về Công ty TNHH P2 là các khách hàng chưa trả tiền. Đến cuối tháng 11/2022, bà Hoàng Thị T1, là kế toán của Công ty TNHH P2 phát hiện nhiều đơn hàng đã quá thời hạn thanh toán nên gọi điện đến các khách hàng hỏi về việc trả nợ thì được biết các khách hàng đã trả đủ tiền theo các đơn hàng cho Lê Đỗ H, cụ thể như sau:

Đối với khách hàng tại huyện Đ

1. Đơn hàng ngày 27/9/2022, số BH00328, xuất cho khách hàng Gara Văn B, tại thôn D, xã Đ, huyện Đ do ông Nguyễn Văn B1 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 25.176.000 đồng, H đã nhận đủ số tiền 25.176.000 đồng nhưng H chỉ chuyển cho Công ty TNHH P2 số tiền 20.176.000 đồng, số tiền còn lại 5.000.000 đồng, H đã chiếm đoạt.

2. Đơn hàng ngày 09/11/2022, số BH00917, H báo xuất kho cho Công ty TNHH T9, tại thôn P, xã Đ, huyện T. Tuy nhiên, khi giao hàng, Công ty TNHH T9 không nhận nên H chuyển lô hàng này cho Gara Văn B, ở xã Đ, huyện Đ. Tổng số tiền của đơn hàng là 21.590.000 đồng, H đã nhận đủ 21.590.000 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

3. Đơn hàng ngày 07/11/2022, số BH00891, xuất cho khách hàng là Công ty TNHH X, tại thôn D, xã Đ, huyện Đ do ông Trần Xuân H1 và bà Nguyễn Thị Thanh V làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 9.270.800 đồng, H đã nhận đủ 9.270.800 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

4. Đơn hàng ngày 25/11/2022, số BH001133, xuất cho khách hàng là tiệm sửa xe Á, tại khu phố I, thị trấn Đ, huyện Đ do ông Võ Lê Ái Q và bà Nguyễn Thị Thúy H2 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 5.821.200 đồng, H đã nhận đủ 5.821.200 đồng của khách hàng nhưng H chỉ giao cho Công ty TNHH P2 số tiền 2.898.000 đồng, số tiền còn lại 2.923.200 đồng, H đã chiếm đoạt.

5. Đơn hàng ngày 10/11/2022, số BH00935, xuất cho khách hàng là T2 sửa xe Q1, tại thôn E, xã Đ, huyện Đ do ông Lê Văn S làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 4.306.800 đồng, H đã nhận đủ 4.306.800 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

6. Đơn hàng ngày 25/10/2022, số BH00734, xuất cho khách hàng là Cửa hàng P3, tại thôn C, xã N, huyện Đ do ông Lê Văn H3 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 10.732.080 đồng, H đã nhận đủ 10.732.080 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

7. Đơn hàng ngày 15/09/2022, số BH00154, xuất cho khách hàng là tiệm sửa xe Năm, tại thôn C, xã M, huyện Đ do ông Lê Công V1 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 16.917.120 đồng, H đã nhận đủ 16.917.120 đồng của khách hàng nhưng H chỉ giao cho Công ty TNHH P2 số tiền 5.000.000 đồng, số tiền còn lại 11.917.120 đồng, H đã chiếm đoạt.

8. Đơn hàng ngày 07/11/2022, số BH00884, xuất cho khách hàng là Công ty TNHH Đ2, tại thôn H, xã N, huyện Đ do bà Hoàng Thị Lệ V2 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 3.742.200 đồng, H đã nhận đủ 3.742.200 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

9. Đơn hàng ngày 28/11/2022, số BH001145, xuất cho khách hàng là Công ty TNHH Đ2, tại thôn H, xã N, huyện Đ do bà Hoàng Thị Lệ V2 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 5.310.720 đồng, H đã nhận đủ 5.310.720 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

10. Đơn hàng ngày 07/11/2022, số BH00885, xuất cho khách hàng là Công ty TNHH Đ2 (Cây xăng Đ3), tại thôn A, xã Đ, huyện Đ do bà Hoàng Thị Lệ V2 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 4.330.080 đồng, H đã nhận đủ 4.330.080 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

11. Đơn hàng ngày 29/11/2022, số BH001157, xuất cho khách hàng là Công ty TNHH Đ2 (Cây xăng N), tại thôn A, xã N, huyện Đ do bà Hoàng Thị Lệ V2 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 13.276.800 đồng, H đã nhận đủ 13.276.800 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

12. Đơn hàng ngày 03/10/2022, số BH00395, xuất cho khách hàng là Cơ sở phụ tùng ô tô Tiến Dũng, tại khu phố D, thị trấn Đ, huyện Đ do ông Lê Văn D làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 20.280.000 đồng, H đã nhận đủ 20.280.000 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

13. Đơn hàng ngày 23/11/2022, số BH01101, xuất cho khách hàng là Cây xăng Nguyễn M1, tại khu phố B, thị trấn V, huyện Đ do ông Nguyễn Văn H4 làm chủ, bà Võ Thị Thanh H5 là kế toán mua đơn hàng trên. Tổng số tiền của đơn hàng là 40.929.200 đồng, H đã nhận đủ 40.929.200 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

14. Đơn hàng ngày 17/11/2022, số BH01013, xuất cho khách hàng là Cây xăng Đ, thôn I, xã Đ, huyện Đ. Tuy nhiên, khi giao hàng, cây xăng Đ4 không nhận nên H bán lô hàng này cho ông Lê Kế T3, sinh năm 1960, trú tại khu phố L, thị trấn L, huyện T. Tổng số tiền của đơn hàng là 24.531.560 đồng, H đã thu của khách hàng nhưng không giao cho Công ty TNHH P2 mà đã chiếm đoạt.

15. Đơn hàng ngày 16/11/2022, số BH01000, xuất cho khách hàng là Gara Minh Đ, tại thôn C, xã M, huyện Đ do ông Trần Văn Đ1 làm chủ (không còn hoạt động). Tổng số tiền của đơn hàng là 4.330.080 đồng, H đã nhận đủ

4.330.080 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

16. Đơn hàng ngày 29/9/2022, số BH00363, xuất cho khách hàng là Cửa hàng P4, tại thôn I, xã Đ, huyện Đ do ông Võ Thành T4 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 21.421.440 đồng, H6 đã nhận đủ 21.421.440 đồng của khách hàng nhưng H chỉ giao cho Công ty TNHH P2 số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn lại 11.421.440 đồng, H đã chiếm đoạt.

17. Đơn hàng ngày 11/10/2022, số BH00503, xuất cho khách hàng là Tiệm phụ tùng – Sửa xe Quang Bảo, tại đường C, thị trấn Đ, huyện Đ do ông Lê Quang B2 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 7.368.000 đồng, H đã nhận đủ 7.368.000 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

18. Đơn hàng ngày 09/11/2022, số BH00918, xuất cho khách hàng là T2 sửa xe L1, tại thôn F, xã V, huyện Đ do Nguyễn Đình L2 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 6.883.560 đồng, H đã nhận đủ 6.883.560 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

19. Đơn hàng ngày 12/11/2022, số BH00953, xuất cho khách hàng là T2 sửa xe P, tại khu phố I, thị trấn Đ, huyện Đ do ông Nguyễn Văn P1 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 5.470.800 đồng, H đã nhận đủ 5.470.800 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

20. Đơn hàng ngày 25/11/2022, số BH01132, xuất cho khách hàng là Cây xăng T10, tại thôn B, xã Đ, huyện Đ do bà Lê Thị T5 làm chủ. Tổng tiền của đơn hàng là 5.310.720 đồng nhưng cây xăng T10 không nhận nên H đã bán cho người khác. H đã nhận đủ 5.310.720 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

Như vậy, tổng số tiền trong các đơn hàng mà Công ty TNHH P2 đã xuất kho của 20 đơn hàng trên là 256.999.160 đồng, tổng số tiền sau khi thu được của khách hàng, H đã giao nộp cho Công ty TNHH P2 là 38.074.000 đồng; tổng số tiền H chiếm đoạt của Công ty TNHH P2 do các khách hàng tại huyện Đ đã trả cho H là 218.925.160 đồng.

Đối với khách hàng tại huyện Tánh Linh

1. Đơn hàng ngày 14/10/2022, số BH00558, xuất cho khách hàng là Cửa hàng K1, tại khu phố L, thị trấn L, huyện T do ông Lê Kế T6 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 6.837.120 đồng, H đã nhận đủ 6.837.120 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

2. Đơn hàng ngày 29/10/2022, số BH00813, xuất cho khách là Cửa hàng P5, tại thôn B, xã H, huyện T do ông Lê Văn T7 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 9.480.060 đồng, H đã nhận đủ 9.480.000 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

3. Đơn hàng ngày 06/10/2022, số BH00431, xuất cho khách hàng là Cửa hàng P6, tại thôn C, xã M, huyện T do ông Huỳnh Phong S1 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 69.331.720 đồng, H đã nhận đủ 69.331.720 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

4. Đơn hàng ngày 15/11/2022, số BH00984, xuất cho khách hàng là T2 rửa xe H, thị trấn L, huyện T do ông Nguyễn Khương D1 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 8.956.980 đồng, H đã nhận đủ 8.956.980 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

5. Đơn hàng ngày 17/10/2022, số BH00586, xuất cho khách hàng là tiệm S3, thôn C, xã Đ, huyện T do ông Dương Văn S2 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 29.709.840 đồng, H đã nhận đủ 29.709.840 đồng của khách hàng nhưng H chỉ giao cho Công ty TNHH P2 số tiền 9.709.840 đồng; số tiền còn lại 20.000.000 đồng H đã chiếm đoạt.

6. Đơn hàng ngày 13/10/2022, số BH00537, xuất cho khách hàng là Cây xăng T, thôn C, xã G, huyện T do bà Lâm Thị Trúc K làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 23.040.000 đồng, H đã nhận đủ số tiền 23.040.000 đồng này của khách hàng và đã chuyển cho Công ty TNHH P2 số tiền 10.040.000 đồng, số tiền còn lại 13.000.000 đồng, H đã chiếm đoạt.

7. Đơn hàng ngày 07/11/2022, số BH00892, xuất cho khách hàng là Cửa hàng Nông cơ Cô B3, tại thôn B, xã G, huyện T do ông Bùi Tấn T8 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 3.708.320 đồng, H đã nhận đủ 3.708.320 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

8. Đơn hàng ngày 28/11/2022, số BH01146, xuất cho khách hàng là Cửa hàng P7, tại số F, xã G, huyện T do ông Huỳnh Phong S1 mua. Tổng số tiền của đơn hàng là 16.429.600 đồng, H6 đã nhận đủ 16.429.600 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

9. Đơn hàng ngày 28/10/2022, số BH00795, xuất cho khách hàng là Cửa hàng phụ tùng – Sửa xe Nguyễn M2, tại khu phố L, thị trấn L, huyện T do ông Nguyễn Văn M3 làm chủ. Tổng số tiền của đơn hàng là 4.353.360 đồng, H đã nhận đủ 4.353.360 đồng của khách hàng nhưng H không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

10. Đơn hàng ngày 31/10/2022, số BH01146, xuất cho khách hàng là Tiệm vá vỏ Ngọc C, tại thôn E, xã G, huyện T nhưng vá vỏ Ngọc C không nhận hàng, H đã bán cho người khác lấy tiền. Tổng số tiền của đơn hàng là 4.746.240 đồng, H đã nhận đủ 4.746.240 đồng của khách hàng nhưng H6 không giao cho Công ty TNHH P2 mà chiếm đoạt.

Ngày 03/01/2023, ông Vũ Trường G có đơn tố cáo Lê Đỗ H, tại Cơ quan Công an, H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Như vậy, tổng số tiền trong các đơn hàng mà Công ty TNHH P2 đã xuất kho của 10 đơn hàng trên địa bàn huyện T là 176.593.180 đồng; tổng số tiền sau khi thu được của khách hàng, H đã giao nộp cho Công ty P2 là 19.749.840 đồng;

tổng số tiền H chiếm đoạt của Công ty P2 do các khách hàng tại huyện T đã trả cho H là 156.843.340 đồng.

Tổng cộng, Lê Đỗ H đã chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH P2 là 30 đơn hàng, gồm: 218.925.160 đồng (20 đơn hàng tại huyện Đ) + 156.843.340 đồng (10 đơn hàng tại huyện T) = 375.768.500 đồng.

Trước khi bị tố cáo, H đã trả lại cho Công ty P2 số tiền cụ thể như sau:

- H đã trả lại cho Công ty TNHH P2 là 30.000.000 đồng.

- Công ty thu hồi lại hàng tồn tại nhà H do khách hàng trả lại trị giá là 32.620.367 đồng.

- Trừ lương tháng 11 năm 2022 của H là 5.521.780 đồng.

Tổng cộng Hòa đã trả 68.142.147 đồng cho Công ty P2.

Sau khi bị tố cáo thì H đã khắc phục hậu quả cho Công ty P2 thêm số tiền là 40.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền mà H chiếm đoạt của Công ty P2 là 307.626.353 đồng (375.768.500 đồng - 68.142.147 đồng).

Về dân sự: Bị hại là ông Vũ Trường G yêu cầu Lê Đỗ H trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 307.626.353 đồng, H đã trả được 40.000.000 đồng. Ông G tiếp tục yêu cầu H trả số tiền còn lại cho Công ty là 267.626.353 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2024/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đã quyết định:

Căn cứ vào c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đỗ H phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Đỗ H 07 (Bảy) năm 06 (S2) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về dân sự, nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 01/8/2024, bị cáo Lê Đỗ H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Bình Thuận phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đỗ H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2024/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc.

- Ý kiến của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo Lê Đỗ H phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Ngày 01/9/2022, Lê Đỗ H đã ký hợp đồng lao động số 01.09-22/HĐLĐ/HT với Công ty TNHH P2 có địa chỉ tại thôn T, xã H, huyện H. Bị cáo được Công ty giao nhiệm vụ là bán các sản phẩm nhớt Castrol tại huyện Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận và có nhiệm vụ thu hồi tiền nợ từ khách hàng chuyển về cho Công ty. Từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2022, sau khi thu các khoản nợ của Công ty, bị cáo H không chuyển tiền về cho Công ty mà sử dụng tiêu xài cá nhân, bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt 30 lần số tiền bán hàng, với tổng số tiền là 307.626.353đồng. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tham ô tài sản” với các tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại đơn kháng cáo và phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày bị cáo kháng cáo với lý do bị cáo đã khắc phục được một phần thiệt hại đã nộp lại 40 triệu đồng tại cơ quan điều tra, có hoàn cảnh khó khăn do đang nuôi 04 con nhỏ, trong đó có một con riêng và 3 con chung, có con nhỏ nhất dưới 03 tháng tuổi, xin giảm nhẹ hình phạt.

Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Đỗ H thành khẩn khai báo, đã khắc phục được một phần thiệt hại cho Công ty nên cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật. Đối với lý do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn do đang nuôi 04 con nhỏ, trong đó con nhỏ nhất dưới 03 tháng tuổi không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định Bộ luật Hình sự.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, xét tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi của bị cáo, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt 07 năm 06 tháng tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới để hội đồng xét xử xem xét. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng

cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đỗ H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2024/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc.

1. Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đỗ H phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Lê Đỗ H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Đỗ H phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/9/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND, VKSND, CQCSĐT Công an huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- PV06 – Công an tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái

